TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thị Dung.

2. Bà Trần Thị Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 499/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Hà Thị A, sinh năm 1977

Địa chỉ: 100 Quang Trung, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- Bị đơn: ông Phạm Văn B, sinh năm 1970

Địa chỉ: 100 Quang Trung, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử,

Nguyên đơn bà Hà Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn B tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận vào năm 2002. Sau khi cưới nhau bà A về nhà chồng sinh sống cho đến nay, cuộc sống vợ chồng ban đầu sống hạnh phúc nhưng

dần sau này, giữa bà và ông B thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, cãi vã nhau những việc trong cuộc sống hàng ngày, ông B đôi khi đánh đập bà. Bà vì các con nên cố gắng chịu đựng để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng đến nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không con, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 người con chung tên Phạm Hà C (sinh ngày 20/01/2001) và Phạm Anh D (sinh ngày 14/10/2009), các con đang ở với bà A. Bà A xin nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn B: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông B theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông B vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông B cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị A.

Về hôn nhân: Bà Hà Thị A được ly hôn với ông Phạm Văn B

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Hà C (sinh ngày 20/01/2001) và Phạm Anh D (sinh ngày 14/10/2009) cho bà A nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Phạm Văn B không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông B mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông B nhưng do ông B vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn U cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93 vào năm 2002. Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, giữa bà A và B thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn, bà A và ông B thường xuyên cãi vã nhau, đôi khi ông B còn đánh đập bà A, bà A vì các con nhỏ nên cố gắng chịu đừng nhưng đến nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống hơn 04 năm. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có 02 con chung tên Phạm Hà C (sinh ngày 20/01/2001) và Phạm Anh D (sinh ngày 14/10/2009) hiện các con bà đang ở với bà A, chưa có khả năng lao động để tự nuôi bản thân. Bà A có nguyện vọng được nhận nuôi các con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà A là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị A đối với ông Phạm Văn B, bà A được ly hôn với ông B.

[2] Về con chung: Giao cho bà A tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Phạm Hà C (sinh ngày 20/01/2001) và Phạm Anh D (sinh ngày 14/10/2009) cho đến khi các con thành niên có khả năng tự lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Bà A không được ngăn cản ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về án phí: Bà Hà Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019611 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà A đã nộp đủ án phí.

[4] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Trí